



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/05/2017)

Địa chỉ: Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0222.3824369

Fax: 0222.3822708

Website: <http://nuocsachbacninh.vn>

Bắc Ninh, năm 2021

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT | 3 |
| I. NỘI DUNG | 5 |
| 1. Thông tin khái quát: | 5 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển:..... | 5 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty..... | 6 |
| 3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty:..... | 6 |
| 3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:..... | 6 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 6 |
| 4.1 Mô hình quản trị Công ty:..... | 6 |
| 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: | 8 |
| 4.3 Các công ty con, công ty liên kết:..... | 9 |
| 5. Định hướng phát triển | 10 |
| 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty: | 10 |
| 5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn: | 10 |
| 5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) | 11 |
| 6. Các rủi ro | 11 |
| 6.1 Rủi ro kinh tế: | 11 |
| 6.2 Rủi ro về lạm phát:..... | 11 |
| 6.3 Rủi ro luật pháp:..... | 11 |
| 6.4 Rủi ro đặc thù ngành | 12 |
| 6.5 Rủi ro khác:..... | 12 |
| II. Tình hình hoạt động trong năm | 12 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 12 |
| 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: | 12 |
| 1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:..... | 13 |
| 2. Tổ chức và nhân sự: | 13 |
| 2.1 Danh sách ban điều hành: | 13 |
| 2.2 Những thay đổi ban điều hành:..... | 16 |
| 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:..... | 17 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 18 |
| 3.1 Các khoản đầu tư lớn: | 18 |
| 3.2 Các công ty con, công ty liên kết:..... | 18 |
| 4. Tình hình tài chính | 18 |
| 4.1 Tình hình tài chính:..... | 18 |
| 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:..... | 18 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 19 |
| 5.1 Cổ phần: | 19 |
| 5.2 Cơ cấu cổ đông: | 19 |
| 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 20 |
| 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: | 20 |
| 5.5 Các chứng khoán khác:..... | 20 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 20 |
| 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: | 20 |
| 6.2 Tiêu thụ năng lượng:..... | 20 |
| 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)..... | 20 |
| 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: | 20 |

| | |
|---|-----------|
| 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:..... | 20 |
| 6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương | 21 |
| 6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: | 21 |
| III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty) | 21 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 21 |
| 2. Tình hình tài chính | 22 |
| 2.1 Tình hình tài sản: | 22 |
| 2.2 Tình hình nợ phải trả:..... | 23 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 23 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 23 |
| 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: | 24 |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty | 24 |
| IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần) | 25 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội | 25 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty | 25 |
| 2.1 Những việc đã làm được:..... | 25 |
| 2.2 Những hạn chế cần khắc phục: | 25 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 25 |
| V. Quản trị công ty | 26 |
| 1. Hội đồng quản trị..... | 26 |
| 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: | 26 |
| 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: | 26 |
| 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị | 26 |
| 1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: | 26 |
| 1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:..... | 26 |
| 2. Ban Kiểm soát | 27 |
| 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:..... | 27 |
| 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát: | 27 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát..... | 27 |
| 3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:..... | 27 |
| 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có..... | 28 |
| 3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:..... | 28 |
| 3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: | 28 |
| VI. Báo cáo tài chính | 28 |
| 1. Ý kiến kiểm toán | 28 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán | 29 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|--------|-----------------------|
| QĐ: | Quyết định |
| UBND : | Ủy ban nhân dân |
| MTV: | Một thành viên |
| TNHH: | Trách nhiệm hữu hạn |
| DTT: | Doanh thu thuần |
| TSCĐ: | Tài sản cố định |
| BCTC: | Báo cáo tài chính |
| HĐQT : | Hội đồng quản trị |
| ĐHĐCĐ: | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐLĐ : | Hợp đồng lao động |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên |
| CMND: | Chứng minh nhân dân |
| CTCP: | Công ty cổ phần |
| KH-KT: | Kế hoạch - Kỹ thuật |
| QLDA: | Quản lý dự án |
| BQ: | Bình quân |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Danh mục các công ty con, công ty liên doanh, liên kết..... | 9 |
| Bảng 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2020 | 12 |
| Bảng 3: Tình hình thực hiện kinh doanh 2020 so với năm 2019 và kế hoạch | 13 |
| Bảng 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành | 13 |
| Bảng 5: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020..... | 17 |
| Bảng 6: Tình hình tài chính của Công ty | 18 |
| Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 18 |
| Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/8/2020 | 19 |
| Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 10/8/2020 | 19 |
| Bảng 10: Mức lương trung bình đối với người lao động..... | 21 |
| Bảng 11: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 | 21 |
| Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 | 22 |
| Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019 - 2020 | 23 |
| Bảng 14: Thành viên Hội đồng quản trị | 26 |
| Bảng 15: Thành viên Ban Kiểm soát | 27 |
| Bảng 16: Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Thù lao HĐQT, BKS | 27 |

I. NỘI DUNG

1. Thông tin khái quát

| | |
|--------------------------------------|---|
| Tên giao dịch | : Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh |
| Tên tiếng Anh | : Bac Ninh Clean water Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | : BANIWACO |
| Trụ sở chính | : Số 57 Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam |
| Điện thoại | : 02223824369 |
| Fax | : 02223822708 |
| Website | : http://nuocsachbacninh.vn |
| Vốn điều lệ đăng ký | : 375.493.910.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng) |
| Vốn điều lệ thực góp | : 375.493.910.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng) |
| Người đại diện theo pháp luật | : Ông Lưu Xuân Tâm - Tổng Giám đốc |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/05/2017 |
| Ngành nghề kinh doanh chính | : Sản xuất kinh doanh nước sạch; xây dựng các công trình cấp thoát nước. |

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh là Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh được thành lập theo Quyết định số 12/UB ngày 17/1/1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch; xây lắp hệ thống cấp thoát nước, điện cao hạ thế, nhà dân dụng và công nghiệp.

Ngày 11/12/2006, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1063/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Bắc Ninh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh với 100% vốn nhà nước.

Ngày 03/12/2015, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh. Đến ngày 21/10/2016, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 1302/QĐ-UBND về việc phê duyệt lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh

Ngày 22/02/2017, Công ty chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 18/04/2017, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để chuyển đổi mô hình từ công ty TNHH MTV sang mô hình Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh thành lập theo Giấy chứng nhận 2300108311 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 29/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/05/2017.

Ngày 21/12/2018, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 815/QĐ-SGDHN ngày 21/12/2018 về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty

cổ phần Nước sạch Bắc Ninh với mã chứng khoán là BNW. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 37.549.391 cổ phiếu). Ngày 28/12/2018, Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trải qua hơn 24 năm phát triển và trưởng thành, Công ty là đơn vị chính có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nhận được nhiều bằng khen UBND tỉnh Bắc Ninh, bộ Xây dựng tặng nhiều bằng khen. Năm 2007, tập thể Công ty được Chính phủ tặng Cờ thi đua theo Quyết định số 724/QĐ-TTg. Năm 2015, Công ty được UBND tặng Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2010 – 2015 tại Đại hội thi đua yêu nước của tỉnh Bắc Ninh. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 theo Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 08/11/2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, xử lý chất thải, các công trình điện, đường dây trạm biến thế đến 35KV;
- Sản xuất và kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư ngành nước;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước khu đô thị và nông thôn, xử lý nước thải và nước sinh hoạt;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, môi trường nước;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất đối với công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp; và
- Tư vấn, giám sát chất lượng xây dựng, khảo sát xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch và xây dựng các công trình cấp thoát nước.

3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty

Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ địa bàn thuộc thành phố Bắc Ninh và các thị trấn huyện lỵ thuộc tỉnh Bắc Ninh và các vùng phụ cận, bao gồm:

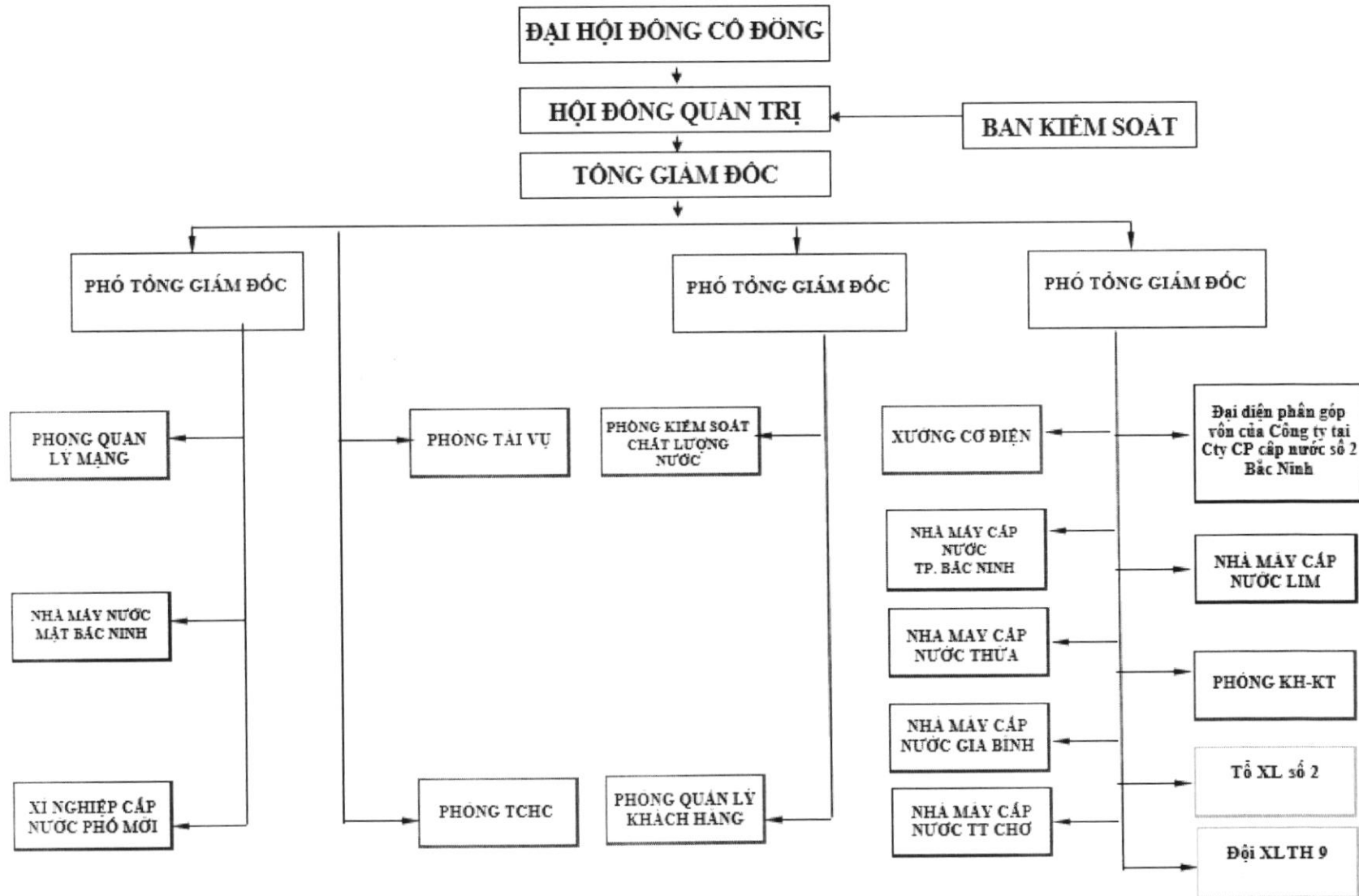
- Thành phố Bắc Ninh
- Thị trấn Phố Mới, huyện Yên Phong
- Thị trấn Thứa, huyện Lương Tài
- Thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình
- Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong
- Thị trấn Lim, huyện Tiên Du (Công ty cổ phần cấp nước số 2 Bắc Ninh đang thuê vận hành).
- 3 phường thuộc thị xã Từ Sơn.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

• Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên (trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên) với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

• Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát gồm 3 (ba) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam; nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát

viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ để báo cáo và đề xuất với Công ty.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Đề xuất Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý trong công ty.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc được Tổng giám đốc phân công và ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy quyền. Phó Tổng giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

+ Giúp việc cho Ban Tổng giám đốc có phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách (Sơ đồ tổ chức như trên)

4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Bảng 1: Danh mục các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

| Tên Công ty | Nơi thành lập | Tỷ lệ sở hữu | Hoạt động chính |
|-------------|---------------|--------------|-----------------|
|-------------|---------------|--------------|-----------------|

| | và hoạt động | và biểu quyết | |
|--|---------------------|----------------------|--|
| Công ty con | / | / | / |
| Công ty liên doanh - Công ty TNHH Đầu tư cấp nước Bắc Ninh | Bắc Ninh | 60,00% | Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước, quản lý vận hành hệ thống cấp thoát nước. |
| Công ty liên kết - CTCP cấp nước số 2 Bắc Ninh | Bắc Ninh | 20,63% | Đầu tư, xây dựng, sản xuất và kinh doanh nước |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 của CTCP Nước sạch Bắc Ninh

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Đầu tư mở rộng giai đoạn 3 nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh để đáp ứng cấp nước cho những năm tiếp theo.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp nước theo hướng sử dụng nước uống tại vòi.

- Đầu tư mở rộng nhà máy cấp nước thị trấn Chờ để cấp nước cho khách hàng, các khu công nghiệp và các vùng phụ cận.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng, nhất là chất lượng nước, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đi vào thực chất, phù hợp với điều kiện của Công ty.

- Từng bước đưa công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước và quản lý khách hàng đảm bảo hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

• Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

• Phát triển thương hiệu

- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của công ty.

- Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội,... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Nước sạch Bắc Ninh.

- **Nâng cao năng lực thi công xây lắp chuyên ngành**

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước là lĩnh vực chiến lược mũi nhọn, Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

- **Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn**

Nâng công suất khai thác và xử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- **Tập trung đầu tư phát triển mạng**

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất cả địa bàn mà công ty phục vụ.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro kinh tế

Năm 2021 được dự báo sẽ là một năm khả quan đối với nền kinh tế Việt Nam. Các chỉ số vĩ mô sẽ tiếp tục ổn định, lạm phát và tỷ giá vẫn ở mức kiểm soát được trong khi đầu tư vào cơ sở hạ tầng được gia tăng và lãi suất có cơ hội điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, dịch bệnh do chủng mới của virus corona (nCoV) đã ảnh hưởng rất lớn tới toàn nền kinh tế nói chung. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ có thể bị ảnh hưởng lớn trong năm 2021.

Sang năm 2021, Việt Nam sẽ phải đương đầu với sự bất ổn của kinh tế toàn cầu; các biến thể COVID-19 và những rủi ro các vụ kiện và phòng vệ thương mại sẽ ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam 2021. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam, khiến tốc độ đô thị hóa ngày một nhanh, trong khi đó cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, phần nào ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp nước sạch trong thời gian tới.

6.2 Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

6.3 Rủi ro luật pháp

Pháp luật và những chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, do đó đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình kịp thời.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán,... Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6.4 Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về nguồn nước tự nhiên

Với nguồn nước khai thác từ tự nhiên, mặc dù lưu lượng nước tương đối ổn định, tuy nhiên Công ty có thể gặp rủi ro khi các điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Chất lượng nước thay đổi sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình xử lý, sản xuất nước và lưu lượng nước tiêu dùng bị hạn chế. Ngoài ra, môi trường nước có thể bị thay đổi do chịu tác động từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các khu vực sản xuất công nghiệp có thể đưa các chất thải từ nhà máy ra sông với lưu lượng không nhiều nhưng cũng gây ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước, có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm. Đặc biệt là các tàu phà, máy móc hoạt động để khai thác cát, sỏi trên sông, có thể gây rò rỉ xăng, dầu, ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước.

Rủi ro từ công nghệ

Hệ thống cấp thoát nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất, kinh doanh nước sạch của Công ty. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi việc rò rỉ nước từ các đường ống nước, gây ra việc thất thoát nước của Công ty. Để giảm thiểu lượng nước bị thất thoát do lỗi kỹ thuật đường ống, hoặc do đường ống bị rò rỉ do sử dụng lâu dài, Công ty tiến hành áp dụng công tác quản lý hệ thống cấp thoát nước tiên tiến.

6.5 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hỏa hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,... Những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Bảng 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2020

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng/giảm |
|--|-----------------|-----------------|----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 148.364.718.599 | 185.016.900.497 | 24,70% |
| Doanh thu thuần | 148.364.718.599 | 185.016.900.497 | 24,70% |
| Lợi nhuận gộp | 37.198.545.330 | 48.437.649.337 | 30,21% |
| Lợi nhuận thuần | 32.988.336.421 | 39.251.836.325 | 18,99% |
| Lợi nhuận khác | 497.900.000 | (646.445.421) | - |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 33.486.236.421 | 38.605.390.904 | 15,29% |
| Lợi nhuận sau thuế | 26.788.569.136 | 34.586.518.060 | 29,11% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 3: Tình hình thực hiện kinh doanh 2020 so với năm 2019 và kế hoạch

Đơn vị: Tr.đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2019 | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | So sánh thực hiện 2020 với | |
|----------------------|----------------|---------------|----------------|----------------------------|-------------|
| | | | | KH 2020 (%) | TH 2019 (%) |
| Tổng doanh thu | 156.879 | 172.492 | 192.398 | 111,54 | 122,64 |
| Lợi nhuận trước thuế | 33.486 | | 38.605 | | 115,29 |
| Lợi nhuận sau thuế | 26.789 | 19.000 | 34.587 | 182,04 | 129,11 |
| Cổ tức (%) | / | 5% | 9,15% | | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành

Bảng 4: Danh sách thành viên Ban Điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-------------------|
| 1 | Lưu Xuân Tâm | Tổng Giám đốc |
| 2 | Trần Đại Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Nguyễn Đình Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Nguyễn Thị Phương | Kế toán trưởng |

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Lưu Xuân Tâm |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 05/10/1970 |
| Nơi sinh: | Xã Bình Dương – huyện Gia Bình – tỉnh Bắc Ninh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: | Số 80 đường Lê Quý Đôn – Khu 3 – phường Suối Hoa – TPT Bắc Ninh |
| Số CMTND: | 125588189, cấp ngày 15/12/ 2014 do Công an tỉnh Bắc Ninh cấp |
| Điện thoại liên hệ: | 02223850963 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: | Tổng Giám đốc |
| Quá trình công tác: | + Từ tháng 01/1997 – 08/2005: Đội thi công, cán bộ kỹ thuật, phó phòng kế hoạch kỹ thuật, trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 08/2005 – 08/2007: Phó giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Bắc Ninh |

| | |
|--|---|
| | + Từ tháng 08/2007 – 04/2017: Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 05/2017 -3/2021: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh + Từ tháng 4/2021: Tổng giám đốc Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước số 2 Bắc Ninh |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 56.900 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,15%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Trần Đại Hải |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 01/10/1961 |
| Nơi sinh: | Thôn Đoài, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: | Số 202 đường Trần Hưng Đạo, Tiên An, thành phố Bắc Ninh |
| Số CMTND: | 125411389 do Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 17/9/2007 |
| Điện thoại liên hệ: | 02223820500 |
| Trình độ văn hóa: | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư cấp thoát nước |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Quá trình công tác: | + Từ 8/1985 – 11/1987: Bộ đội, chiến sỹ D8-E540-F327 Lộc Bình, Lạng Sơn + Từ 12/1987 - 4/1989: Cán bộ xí nghiệp xây dựng huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh + Từ 4/1989 - 5/1991: Lao động hợp tác tại Bungaria + Từ 5/1991 - 5/1998: Cán bộ Ban quản lý công trình xây dựng huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh + Từ 6/1998 - 10/2004: Cán bộ kỹ thuật, phụ trách phòng quản lý dự án Công ty cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 11/2004 – 4/2017: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ 05/2017 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng |

| | |
|--|--|
| | giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 5.278.000 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 14,06%) |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: | Họ và tên người có liên quan: Trần Công Hưng Mối quan hệ: Con trai Sở hữu cổ phần: 5.000 Cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01%) |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |

| | |
|--|--|
| Họ và tên: | Nguyễn Đình Tôn |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 22/06/1975 |
| Nơi sinh: | Xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: | Số nhà 44, phố Ngô Miễn Thiệu, Tiên An, Thành phố Bắc Ninh |
| Số CMTND: | 125029443 cấp ngày 12/12/2013 tại Công an Bắc Ninh |
| Điện thoại liên hệ: | 02223612688 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: | Phó Tổng Giám đốc |
| Quá trình công tác: | + Từ tháng 1/1995 - 12/2002: Kế toán, Phòng kinh doanh Công ty lương thực Bắc Ninh. + Từ tháng 1/2003 - 12/2006: Kế toán, Phòng kế toán Công ty lương thực Bắc Ninh + Từ tháng 6/2007 - 12/2008: Nhân viên, phó phòng tài vụ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 1/2009 đến 09/2014: Trưởng phòng tài vụ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 10/2014 đến 4/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh + Từ tháng 05/2017 đến 4/2020: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh + Từ tháng 4/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.900 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) |

| | |
|--|---|
| | + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |

| | |
|--|---|
| Họ và tên: | Nguyễn Thị Phương |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày sinh: | 29/8/1989 |
| Nơi sinh: | Bắc Ninh |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: | Khu Tiên Xá, Phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |
| Số CMTND: | 125384774 cấp ngày 23/02/2007 tại Công an Bắc Ninh |
| Điện thoại liên hệ: | 02223825357 |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: | Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài vụ |
| Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 5/2013 → T12/2018: Phụ trách kế toán tại Công ty TNHH Long Phương - Dự án BT nhà máy nước mặt BN. - Từ tháng 1/2019 → T03/2020: Làm kế toán trưởng tại Công ty TNHH Long Phương - Dự án BT nhà máy nước mặt BN. - Từ tháng 12/2018 → T3/2020: Làm kế toán trưởng tại Công ty TNHH đầu tư cấp nước Bắc Ninh. - Từ tháng 05/2020 đến tháng 10/2020: Làm Phó trưởng Phòng - Phụ trách phòng tài vụ Công ty CP nước sạch Bắc Ninh. + Từ tháng 11/2020 đến 3/2021: Trưởng Phòng Tài vụ + Từ 4/2021 đến nay: Kế toán trưởng |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.872 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,016%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: | Không |

| | |
|--|-------|
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |

2.2 Những thay đổi ban điều hành:

| STT | Họ và tên | Chức vụ bổ nhiệm | Thời gian bắt đầu |
|-----|-----------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Ông:Lưu Xuân Tâm | Tổng Giám đốc | 01/04/2021 |
| 2 | Ông: Nguyễn Đình Tôn | Phó Tổng Giám đốc | 28/04/2020 |
| 3 | Bà: Nguyễn Thị Phương | Kế toán trưởng | 01/04/2021 |

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng 5: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

| STT | Phân loại lao động | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|------------|------------------------------------|------------------|---------------|
| I | Phân theo giới tính | 313 | 100,00 |
| 1 | Nam | 172 | 55 |
| 2 | Nữ | 141 | 45 |
| II | Phân theo Hợp đồng lao động | 313 | 100,00 |
| 1 | Hợp đồng mùa vụ (dưới 3 tháng) | 0 | 0 |
| 2 | Hợp đồng từ 3- 12 tháng | 0 | 0 |
| 3 | Hợp đồng từ 1- 3 năm | 21 | 7 |
| 4 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 292 | 93 |
| III | Phân theo trình độ lao động | 313 | 100,00 |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 118 | 38 |
| 2 | Trình độ Cao đẳng và Trung cấp | 94 | 30 |
| 3 | Công nhân và trình độ phổ thông | 101 | 32 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

- **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng đối với sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, cụ thể như sau:

- **Chế độ làm việc**

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

- Khởi hành chính, văn phòng: 40 giờ/tuần.
- Các Nhà máy, Xí nghiệp cấp nước: Đảm bảo cấp nước 24/24 giờ. Tùy theo tình hình SXKD mà thỏa thuận với người lao động về thời giờ làm việc.
- Đơn vị làm công tác khoán: Xây lắp, Quản lý mạng, Quản lý khách hàng, căn cứ theo tiêu chuẩn định mức của Công ty cho từng bộ phận để thực hiện trong hoặc ngoài giờ hành chính của Công ty.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng

ăn ca, làm thêm giờ,... Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách đào tạo, tuyển dụng**

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh hiện có 01 Công ty liên kết và 01 Công ty liên doanh

- **Công ty liên kết:** Công ty cổ phần cấp nước số 2 Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh: Đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước,...
- **Công ty liên doanh:** Công ty TNHH Đầu tư Cấp nước Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, sản xuất và kinh doanh nước,...

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Bảng 6: Tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2020 | % tăng/giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 633.183.338.360 | 626.745.851.682 | (1,02) |
| Doanh thu thuần | 148.364.718.599 | 185.016.900.497 | 24,70% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 32.988.336.421 | 39.251.836.325 | 18,99% |
| Lợi nhuận khác | 497.900.000 | (646.445.421) | |
| Lợi nhuận trước thuế | 33.486.236.421 | 38.605.390.904 | 15,29% |
| Lợi nhuận sau thuế | 26.788.569.136 | 34.586.518.060 | 29,11% |
| Tỷ lệ cổ tức đã trả (%/MG) | 5,45% | 8,00 | / |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2019 | Năm 2020 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSNH/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,58 | 2,58 |

| | | | |
|---|------|-------|-------|
| Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn | Lần | 1,49 | 2,33 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 35,01 | 33,73 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 53,88 | 50,91 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ | Vòng | 9,12 | 10,01 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ | Lần | 0,24 | 0,29 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 18,06 | 18,69 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 6,51 | 8,33 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 4,23 | 5,52 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 22,23 | 21,22 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 37.549.391 cổ phiếu. Trong đó
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 22.965.277 cổ phiếu (chiếm 61,16%).
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 14.584.114 cổ phiếu (chiếm 38,84%).

5.2 Cơ cấu cổ đông

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 23/3/2021

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----------|---------------------------|---------------------|-------------------|---------------|
| I | Cổ đông trong nước | 318 | 37.549.391 | 100,00 |
| 1 | UBND tỉnh Bắc Ninh | 01 | 18.420.279 | 49,06 |
| 2 | Cá nhân + tổ chức | 317 | 19.129.112 | 50,94 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0,00 |
| 1 | Tổ chức | 0 | 0 | 0,00 |
| 2 | Cá nhân | 0 | 0 | 0,00 |
| | Tổng cộng | 318 | 37.549.391 | 100,00 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chốt ngày 23/3/2021)

Bảng 9: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 23/3/2021

| Stt | Tên tổ chức, cá nhân | Số CMND/Hộ | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) trên VDL |
|-----|-------------------------|---------------|---------|---------------------|-----------------------|
|-----|-------------------------|---------------|---------|---------------------|-----------------------|

| | | chiều/ĐKKD | | | thực góp |
|------------------|--------------------------------------|--|--|-------------------|-----------------|
| 1 | UBND tỉnh Bắc Ninh | | 11A Lý Thái Tổ, Huyện Suối Hoa, Việt Nam | 18.420.279 | 49,06 |
| 2 | Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương | 2300224741, cấp ngày 22/09/2020 tại Phòng ĐKKD tỉnh Bắc Ninh | Khu công nghiệp Hạp Lĩnh, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 13.165.245 | 35,06 |
| 3 | Vũ Thị Chuyên | 125258568, cấp ngày 19/6/2019 tại CA.Bắc Ninh | Khu Trang Liệt, phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | 1,901,661 | 5,06 |
| Tổng cộng | | | | 34.289.957 | 91,32 |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chốt ngày 23/3/2021)

(*) Tính đến thời điểm

- 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.
- 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.
- 5.5 Các chứng khoán khác:** Không.
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**
- 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**
- a. **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm:** Không
- b. **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:** Không
- 6.2 Tiêu thụ năng lượng**
- a. **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:** Không
- b. **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** Không
- c. **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không
- 6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**
- a. **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** Không
- b. **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Không.
- 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**
- a. **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không.
- b. **Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không.
- 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động**
- a. **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**
- Số lượng lao động: 313 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng 10: Mức lương trung bình đối với người lao động

| Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 | +/-% 2020 so với 2019 (%) |
|---|----------|----------|---------------------------|
| Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 9,34 | 9,5 | 102% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 11: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2020 |
|---|-----------------|-----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 148.364.718.599 | 185.016.900.497 |
| Các khoản giảm trừ | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 148.364.718.599 | 185.016.900.497 |
| Giá vốn hàng bán | 111.166.173.269 | 136.579.251.160 |
| Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ | 37.198.545.330 | 48.437.649.337 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 8.014.288.585 | 6.854.431.109 |

| | | |
|--|----------------|----------------|
| Chi phí tài chính | 2.095.289.991 | 2.883.424.696 |
| Chi phí bán hàng | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.129.207.503 | 13.156.819.425 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 32.988.336.421 | 39.251.836.325 |
| Thu nhập khác | 500.000.000 | 526.007.107 |
| Chi phí khác | 2.100.000 | 1.172.452.528 |
| Lợi nhuận khác | 497.900.000 | (646.445.421) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 33.486.236.421 | 38.605.390.904 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 6.697.667.285 | 4.018.872.844 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 26.788.569.136 | 34.586.518.060 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 694 | 915 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty)

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng

| TÀI SẢN | Năm 2019 | Năm 2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 174.945.096.294 | 174.241.441.193 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 11.911.018.307 | 23.871.721.269 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 100.000.000.000 | 99.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 46.431.690.963 | 30.149.365.280 |
| IV. Hàng tồn kho | 9.914.424.783 | 17.363.762.189 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 6.687.962.241 | 3.856.592.455 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 458.238.242.066 | 452.504.410.489 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 1.895.795.360 | 1.895.795.360 |
| II. Tài sản cố định | 367.398.831.852 | 433.132.016.146 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 360.215.565.608 | 426.617.878.701 |
| 2. TSCĐ vô hình | 7.183.266.244 | 6.514.137.445 |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 82.831.533.410 | 8.962.623.864 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 5.456.824.843 | 5.456.824.843 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 655.256.601 | 3.057.150.276 |

| | | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 633.183.338.360 | 626.745.851.682 |
|--------------------------|------------------------|------------------------|

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Nước sạch Bắc Ninh)

2.2 Tình hình nợ phải trả

Bảng 13: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2019 - 2020

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | | |
| I. Nợ ngắn hạn | 110.674.699.029 | 67.453.003.638 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 49.795.530.331 | 6.541.352.121 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 135.124.000 | 135.124.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 7.876.971.461 | 5.040.092.855 |
| 4. Phải trả người lao động | 11.575.425.124 | 13.116.601.267 |
| 5. Chi phí phải trả | 680.426.920 | 990.214.826 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 34.832.417.939 | 32.864.173.115 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 5.572.113.800 | 8.084.306.000 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 206.689.454 | 681.139.454 |
| II. Nợ dài hạn | 111.033.819.180 | 143.979.522.633 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 69.863.472.449 | 95.275.662.051 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 41.170.346.731 | 48.703.860.582 |
| TỔNG CỘNG | 221.708.518.209 | 211.432.526.271 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Nước sạch Bắc Ninh)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

• Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty đến năm 2020 và những năm tiếp theo.
- Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành

trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

- **Phát triển thương hiệu**

- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của công ty
- Quảng bá hình ảnh Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Nước sạch Bắc Ninh.

- **Nâng cao năng lực thi công xây lắp chuyên ngành**

Song song với lĩnh vực sản xuất cấp nước là lĩnh vực chủ yếu, Công ty cũng tiếp tục tăng cường năng lực, phát triển mở rộng thị phần trong lĩnh vực thiết kế, thi công các công trình cấp nước, tăng doanh thu trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây dựng công trình.

- **Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn**

Nâng công suất khai thác và sử lý nước cấp tại các Nhà máy cấp nước để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.

- **Tập trung đầu tư phát triển mạng**

Mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Bắc Ninh.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...)**

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh đang ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép.

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Người lao động tại Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ, hiện đại, được đóng các loại bảo hiểm đầy đủ. Hàng năm, Công ty vẫn trích quỹ khen thưởng phúc lợi, kịp thời khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc.

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như việc cùng tham gia vào các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi

trường của người dân, tham gia ủng hộ biển đảo quê hương,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức, song toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh giao cho. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra (Tổng Doanh thu đạt 192,4 tỷ, đạt 111,54% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 34,58 tỷ, đạt 182,04% so với kế hoạch) thu nhập người lao động tăng, đảm bảo hài hòa lợi ích người lao động, nhà nước và các cổ đông.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã luôn chủ động trong việc ký kết hợp đồng đặt hàng, xây dựng hồ sơ đấu thầu cung cấp các dịch vụ nước sạch. Do đó công tác điều hành sản xuất kinh doanh luôn chủ động, tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1 Những việc đã làm được

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

2.2 Những hạn chế cần khắc phục

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành cấp nước, trong năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh khả thi và đặt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận cụ thể, chi tiết cho từng phòng, ban và bộ phận theo từng tháng, quý, 6 tháng và năm, đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện Kế hoạch tối ưu và linh hoạt.
- Tuyển dụng và kiện toàn đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tập trung vào các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia marketing
- **Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty**
- Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại các phòng ban chức năng, đồng thời kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.

- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức hệ thống luân chuyển hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo.
- **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới**
 - Nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện ứng dụng các công nghệ mới.
 - Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Bảng 14: Thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------|-----------------------------------|---|
| 1 | Nguyễn Tiến Long | Chủ tịch HĐQT – Không điều hành | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty Long Phương (TNHH): 13.165.245 cổ phần (chiếm 35,06 vốn điều lệ) |
| 2 | Vũ Hữu Tân | Phó Chủ tịch HĐQT | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 13.142.279 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 35,00%) |
| 3 | Trần Đại Hải | Thành viên HĐQT | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,01) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 5.278.000 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 14,06%) |
| 4 | Vũ Thị Chuyên | Thành viên HĐQT – Không điều hành | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.901.661 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 5,06%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 5 | Ngô Minh Châu | Thành viên độc lập HĐQT | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc, đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng, đồng thời, kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng;

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về

quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Bảng 15: Thành viên Ban Kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|--------------------|--------------------------|--|
| 1 | Trần Thị Hương | Trưởng Ban kiểm soát | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.100 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 2 | Nguyễn Thị Mai Lan | Thành viên Ban kiểm soát | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |
| 3 | Nguyễn Bá An | Thành viên Ban kiểm soát | + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần |

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tình trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Bảng 16: Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Thù lao HĐQT, BKS

| STT | Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 (*) |
|-----|---------------------------------|----------------------|---------------|
| 1 | Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc | 1.118.421.496 | 1.356.560.591 |
| 2 | Thù lao HĐQT (5 người) | 336.000.000 | 336.000.000 |
| 3 | Thù lao BKS (3 người) | 132.000.000 | 132.000.000 |
| | Tổng cộng | 1.586.421.496 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 à NQ ĐHCĐ thường niên 2020 của Công ty)
 (*) Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 được thông qua tại kỳ ĐHCĐ năm 2021

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Chức vụ | Ngày bắt đầu – kết thúc giao dịch | Số cổ phiếu sở hữu trước GD | Số cổ phiếu sở hữu sau GD | Tỷ lệ | Lý do tăng, giảm |
|-----|---------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------|--|
| 1 | Ông Vũ Hữu Tân | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc | Từ 5/8-28/8/2020 | 2.709.533 | 2.000 | 0,01 | Bán, nhằm giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BNW |
| 2 | Bà Vũ Thị Chuyên | Thành viên HĐQT | Từ 5/8-28/8/2020 | 0 | 1.901.661 | 5,06 | Mua |
| 3 | Ông: Lưu Xuân Tâm | Tổng Giám đốc | Từ 5/8-28/8/2020 | 6.900 | 56.900 | 0,15 | Mua |
| 4 | Bà: Nguyễn Thị Phương | Kế toán trưởng | Từ 5/8-28/8/2020 | 0 | 5.872 | 0,02 | Mua |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh)

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 16, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang tạm hạch toán giao dịch nhận bàn giao công trình Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh để quản lý vận hành như một tài

sản thuê hoạt động. Chi phí thuê tạm trích theo Công văn hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty chưa nhận được quyết định bàn giao tài sản chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác theo báo cáo kiểm toán độc lập số 0662/VN1A-HN-BC ngày 16 tháng 03 năm 2020 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, có đoạn nhấn mạnh về việc Công ty đang tạm hạch toán giao dịch nhận bàn giao công trình Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh từ Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Vaco. Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán 2020 được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: www.nuocsachbacninh.vn

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2021

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở Giao dịch;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCHC ✓



Lưu Xuân Tâm

